

Phụ lục VII
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT HUYỆN TÁNH LINH

A. Hệ số điều chỉnh giá nhóm đất nông nghiệp:

I. Đất sản xuất nông nghiệp:

1. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng lúa:

Vị trí đất	1	2	3
Tên xã			
Gia An, Lạc Tánh	1,41	1,43	1,44
Đức Phú, Nghị Đức, Măng Tố, Bắc Ruộng, Huy Khiêm, Đồng Kho, Đức Bình, Đức Thuận, Gia Huynh, Suối Kiết, La Ngâu	1,50	1,48	1,50

2. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây hàng năm còn lại, đất nuôi trồng thủy sản (trừ đất lúa) (chưa bao gồm chi phí xây dựng cơ bản đã đầu tư trực tiếp trên đất để sản xuất):

Vị trí đất	1	2	3	4
Tên xã				
Gia An, Lạc Tánh	1,35	1,33	1,44	1,25
Gia Huynh, Đức Phú, Nghị Đức, Măng Tố, Bắc Ruộng, Huy Khiêm, Đồng Kho, La Ngâu, Đức Bình, Đức Thuận, Suối Kiết	1,49	1,50	1,49	1,25

3. Hệ số điều chỉnh giá đất trồng cây lâu năm (chưa bao gồm chi phí xây dựng cơ bản đã đầu tư trực tiếp trên đất để sản xuất):

Vị trí đất	1	2	3	4
Tên xã				
Gia An, Lạc Tánh	1,56	1,46	1,48	1,25
Gia Huynh, Đức Phú, Nghị Đức, Măng Tố, Bắc Ruộng, Huy Khiêm, Đồng Kho, La Ngâu, Đức Bình, Đức Thuận, Suối Kiết	1,50	1,56	1,56	1,58

II. Đất lâm nghiệp:

1. Đất lâm nghiệp nằm ngoài các khu quy hoạch du lịch:

a. Đất rừng sản xuất:

Vị trí	1	2	3
Tên xã			
Lạc Tánh	1,00	1,00	1,00
Gia Huynh, Đức Phú, Nghị Đức, Măng Tố, Bắc	1,00	1,00	1,00

Ruộng, Huy Khiêm, Đồng Kho, La Ngâu, Đức Bình, Đức Thuận, Suối Kiết			
---	--	--	--

b. Đất rừng phòng hộ:

Vị trí	1	2	3
Tên xã			
Gia Huynh, Đức Phú, Nghị Đức, Mãng Tố, Bắc Ruộng, Huy Khiêm, Đồng Kho, La Ngâu, Đức Bình, Đức Thuận, Suối Kiết	1,00	1,00	1,00

c. Đất rừng đặc dụng:

Vị trí	1	2	3
Tên xã			
Gia Huynh, Đức Bình, Đức Thuận, Suối Kiết, La Ngâu	1,00	1,00	1,00

B. Nhóm đất phi nông nghiệp:

I. Hệ số điều chỉnh giá đất ở:

1. Hệ số điều chỉnh giá đất ở nông thôn khu vực 1:

Tên xã	Vị trí	1	2	3	4	5
	Nhóm					
Gia An	Nhóm 5	1,25	1,35	1,25	1,25	1,25
Đức Thuận, Đồng Kho, Nghị Đức	Nhóm 6	1,43	1,48	1,46	1,25	1,25
Suối Kiết, Gia Huynh, Đức Phú, Đức Bình, Huy Khiêm, Bắc Ruộng, Mãng Tố	Nhóm 7	1,43	1,51	1,50	1,25	1,25
La Ngâu	Nhóm 10	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00

2. Hệ số điều chỉnh giá đất ở nông thôn ven các trục đường giao thông chính:

STT	Địa bàn	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
I	Quốc lộ 55			
1	Xã Đức Thuận	Giáp ranh giới thị trấn Lạc Tánh (đường mới)	Giáp ranh đất trụ sở Khu Bảo tồn thiên nhiên Núi Ông	1,00
		Ranh đất nhà Bác sỹ Dân (Giáp ranh giới thị trấn Lạc	Giáp ranh giới trụ sở UBND xã Đức	1,00

STT	Địa bàn	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
		Tánh)	Thuận	
		Đất trụ sở UBND xã Đức Thuận	Hết ranh đất nhà nghỉ Mai Vàng	1,07
		Giáp ranh đất nhà nghỉ Mai Vàng	Giáp ranh giới xã Đức Bình	1,11
		Giáp ranh giới xã Đức Thuận	Giáp ranh đất bà Đào (thôn 1)	1,18
2	Xã Đức Bình	Đất bà Đào (thôn 1)	Giáp ranh đất nhà bà Tánh (thôn 3)	1,33
		Đất nhà bà Tánh (thôn 3)	Giáp ranh giới xã Đồng Kho	1,32
		Giáp ranh giới xã Đức Bình	Ngã ba nhà ông Phương	1,28
3	Xã Đồng Kho	Giáp ngã ba nhà ông Phương	Giáp cầu Tà Pao	1,11
		Cầu Tà Pao	Giáp ranh đất Trạm Bảo vệ rừng	1,21
		Đất Trạm Bảo vệ rừng	Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tề	1,11
		Đất nhà ông Nguyễn Văn Tề	Giáp ranh giới xã La Ngâu	1,09
		Giáp ranh giới xã Đức Bình	Đất nhà ông Pha Răng Lợi	1,14
4	Xã La Ngâu	Các đoạn còn lại của xã		1,11
		II Tỉnh lộ 717		
1	Xã Đồng Kho	Chợ Tà Pao (đầu đường ĐT 717 giáp QL 55)	Giáp ranh đất Trường THCS Đồng Kho	1,20
		Đất Trường THCS Đồng Kho	Giáp ranh đất Trường tiểu học Đồng Kho 1	1,11
		Đất Trường tiểu học Đồng Kho 1	Giáp ranh giới xã Huy Khiêm	1,46
2	Xã Huy Khiêm	Giáp ranh giới xã Đồng Kho	Giáp ranh đất ông Nguyễn Phước Biên	1,59
		Đất ông Nguyễn Phước Biên	Giáp ranh đất Trường TH Huy Khiêm 1	1,43
		Đất Trường TH Huy Khiêm 1	Giáp ranh đất ông Nguyễn Minh	1,00

STT	Địa bàn	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
			Bằng	
		Đất ông Nguyễn Minh Bằng	Giáp ranh đất ông Đỗ Văn Thông	1,00
		Đất ông Đỗ Văn Thông	Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Phong	1,00
		Đất ông Nguyễn Văn Phong	Giáp ranh giới xã Bắc Ruộng	1,50
3	Xã Bắc Ruộng	Giáp ranh giới xã Huy Khiêm	Giáp ranh đất ông Nguyễn Tổng Hợi	1,21
		Đất ông Nguyễn Tổng Hợi	Giáp ranh đất ông Nguyễn Xuân Trường	1,18
		Đất ông Nguyễn Xuân Trường	Giáp cầu Sông Quận	1,33
		Cầu Sông Quận	Giáp ranh giới xã Măng Tô	1,07
4	Xã Măng Tô	Giáp ranh giới xã Bắc Ruộng	Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Phở	1,17
		Đất ông Nguyễn Văn Phở	Giáp ranh giới đất ông Lâm Quang Đạt	1,06
		Giáp ranh giới đất ông Lâm Quang Đạt	Giáp cầu Ông Quốc	1,11
		Cầu Ông Quốc	Giáp cầu Ông Hiền	1,36
		Cầu Ông Hiền	Giáp ranh giới xã Nghị Đức	1,00
5	Xã Nghị Đức	Giáp ranh giới xã Măng Tô	Ngã ba nhà ông Lê Ngọc Vinh	1,40
		Giáp ngã ba nhà ông Lê Ngọc Vinh	Ngã ba nhà ông Mai Đình Tạo	1,00
		Giáp ngã ba nhà ông Mai Đình Tạo	Giáp ranh giới xã Đức Phú	1,11
6	Xã Đức Phú	Giáp ranh giới xã Nghị Đức	Giáp ranh đất ông Lê Văn Thùy	1,08
		Đất ông Lê Văn Thùy	Giáp Ngã ba Plao (Giáp xã Mê Pu)	1,32
		Ngã ba Plao (Giáp xã Mê Pu)	Giáp cầu Đạ Nga	1,06
		Cầu Đạ Nga	Giáp ranh giới	1,11

STT	Địa bàn	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
			tỉnh Lâm Đồng	
III	Tỉnh lộ 720			
1	Xã Gia An	Giáp ngã ba đường Gia An - Bắc Ruộng	Giáp Cống ranh thôn 7 và thôn 8	1,43
		Cống ranh thôn 7 và thôn 8	Giáp công ranh giới thôn 4, thôn 5	1,17
		Cống ranh giới thôn 4, thôn 5	Ngã ba vào chùa Quảng Chánh	1,27
		Giáp ngã ba vào chùa Quảng Chánh	Giáp trụ sở UBND xã Gia An	1,00
		Trụ sở UBND xã Gia An	Hết ranh cây xăng Thuận Lợi	1,21
		Giáp ranh cây xăng Thuận Lợi	Cống ranh giới thôn 1, thôn 2	1,12
		Cống ranh giới giữa thôn 1, thôn 2	Hết ranh đất ông Võ Văn Minh	1,06
		Các đoạn còn lại của xã		1,00
2	Xã Gia Huynh	Cầu Ông Bê (ranh giới thị trấn Lạc Tánh)	Giáp ranh đất ông Bùi Văn Thu	1,08
		Đất ông Bùi Văn Thu	Giáp ranh đất bà Trần Thị Lộc	1,30
		Đất bà Trần Thị Lộc	Giáp cầu (hết ranh đất bà Đậu)	1,00
		Từ Cầu (đất ông Nguyễn Đức Tước)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đức	1,27
		Giáp ranh đất Nguyễn Văn Đức	Giáp ranh đất ông Văn Công Thảo	1,00
		Đất ông Văn Công Thảo	Hết ranh đất Trạm Y tế thôn 3	1,00
		Giáp ranh Trạm Y tế thôn 3	Giáp ranh giới xã Suối Kiết	1,40
3	Xã Suối Kiết	Giáp ranh giới xã Gia Huynh	Giáp trụ sở Nông trường Sông Giêng	1,11
		Trụ sở Nông trường Sông Giêng	Giáp Đường vào nhà máy nước	1,25
		Đường vào nhà máy nước	Giáp Cầu Trắng (ranh giới thôn 2, 3)	1,33
		Cầu Trắng	Giáp đường Sắt	1,16

STT	Địa bàn	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
		Đường Sắt	Cầu Đỏ (hết ranh giới huyện Tánh Linh)	1,22
IV.	Tuyến đường liên xã Gia An - Gia Huynh			
1	Xã Gia An	Ngã tư thôn 7	Ngã tư (Hết ranh đất nhà ông Đinh Tiên Hoàng)	1,00
		Các đoạn còn lại của đường liên thôn		1,08
V.	Tuyến đường Gia Huynh - Bà Tá			
1	Xã Gia Huynh	Giáp ranh đất ông Huỳnh Ngự	Hết ranh đất ông Nguyễn Bé	1,08
		Giáp ranh đất ông Nguyễn Bé	Hết ranh đất ông Nguyễn Tấn Huân	1,15
		Giáp ranh đất ông Nguyễn Tấn Huân	Hết ranh đất bà Vũ Thị Thanh	1,06
		Giáp ranh đất bà Vũ Thị Thanh	Giáp ranh đất ông Vũ Mộng Phong	1,27
		Đất ông Vũ Mộng Phong	Cuối đường	1,06
VI.	Tuyến đường liên xã Bà Tá – Tân Hà			
1	Xã Gia Huynh	Từ đất nhà bà Trần Thị Hoa	Giáp kênh tiếp nước Biễn Lạc – Hàm Tân	1,00
		Từ kênh tiếp nước Biễn Lạc – Hàm Tân	Giáp huyện Đức Linh	1,00
VII.	Tuyến đường liên xã Nghị Đức – Đức Phú			
1	Xã Nghị Đức	Từ ranh giới xã Đức Tân	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọ.	1,00
		Từ đất ông Nguyễn Ngọ	Hết ranh đất ông Phạm Trung Hiếu	1,00
		Từ đất ông Phạm Trung Hiếu	Hết nhà ông Trần Duy Ngọc.	1,00
		Từ đất ông Trần Duy Ngọc	Giáp xã Đức Phú	1,00

3. Hệ số điều chỉnh giá đất ở đô thị - Thị trấn Lạc Tánh:

STT	Địa bàn	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
1	Đường số 13	Ngã ba Đài tượng niệm	Trường Chinh	1,00
2	Đường ĐT 720	Phần còn lại		1,00
3	Đường 25	Phòng Giáo dục và Đào	Hết đường 25	1,00

STT	Địa bàn	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
	tháng 12	tạo	tháng 12 (Quán cà phê Đồi xanh)	
4	Đường tháng 12 25	Ngân hàng An Bình	Giáp Cầu Suối Cát	1,00
5	Đường tháng 12 25	Cầu Suối Cát	Giáp ngã ba đường Thác Bà	1,19
6	Đường tháng 12 25	Ngã ba đường Thác Bà	Giáp ranh giới xã Đức Thuận	1,10
7	Đường số 16	Giáp ngã ba Bệnh viện	Giáp ranh giới xã Đức Thuận	1,08
8	Đường số 15	Giáp ngã ba Bệnh viện	Giáp ranh giới xã Đức Thuận	1,00
9	Đường Thác Bà	Đường 25 tháng 12	Quốc lộ 55	1,19
10	Đường Thác Bà	Giáp Quốc lộ 55	Giáp ranh giới xã Đức Thuận	1,25
11	Nguyễn Huệ	Đường 25 tháng 12	Hết chợ Lạc Tánh	1,10
12	Nguyễn Huệ	Cuối Chợ	Giáp đường Trần Hưng Đạo	1,06
13	Nguyễn Huệ	Nhà Bảo hiểm Bảo Việt	Ngã ba Công an huyện	1,00
14	Đường số 14	Nhà nghỉ Kim Sơn	Trường Chinh	1,00
15	Trần Hưng Đạo	Ngã ba 10 căn	Hết ranh đất ông Đặng Trần Điều	1,08
16	Trần Hưng Đạo	Ngã ba 10 căn	Giáp ranh đất Trường tiểu học Lạc Tánh 1	1,10
17	Trần Hưng Đạo	Đất Trường tiểu học Lạc Tánh 1	Giáp ngã ba đi Đồng Me	1,24
18	Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi Đồng Me	Giáp ranh trường dân tộc Nội trú	1,00
19	Trần Hưng Đạo	Phần còn lại		1,36
20	Trường Chinh	Trần Hưng Đạo	Chợ Lạc Tánh (giáp đường Nguyễn Huệ)	1,20
21	Quốc lộ 55	Đường Trần Hưng Đạo	Ranh giới xã Đức Thuận	1,00
22	Quốc lộ 55	Ngã ba Tân Thành (giáp đường ĐT 720)	Ranh giới xã Đức Thuận	1,39
23	Đường số 9	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh đất nhà	1,00

STT	Địa bàn	Đoạn đường		Hệ số
		Từ	Đến	
		(nhà ông Dân)	ông Man Nêm	
24	Đường số 10	Đường Trần Hưng Đạo (nhà ông Pháp)	Hết ranh đất nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ	1,07
25	Đường số 11	Đường Trần Hưng Đạo (nhà ông Mạnh)	Hết ranh đất nhà ông Quách Thái Thơm	1,00
26	Đường số 12	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh đất trường Tiểu học Lạc Tánh 1	1,08
27	Đường số 7	Đường 25 tháng 12 (đầu đường 25/12)	Hết ranh đất nhà ông Đinh Tám	1,11
28	Đường phía Đông Kè Sông Cát	Giáp đường 25 tháng 12	Giáp cầu khu phố Chăm	1,00
29	Đường phía Tây Kè Sông Cát	Giáp đường 25 tháng 12	Giáp cầu khu phố Chăm	1,08
30	Đường số 19	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Thác Bà	1,10
31	Các con đường còn lại rộng hơn hoặc bằng 4 m			1,25
32	Khu dân cư Trại Cá			1,43
33	Khu dân cư Tum Le			1,07
34	Đất nằm tiếp giáp với tuyến đường số 13 và số 14 KDC Trại Cá	Đầu đường 25/12	Cuối đường số 13	1,00

II. Hệ số điều chỉnh giá đất sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ du lịch:

STT	Địa bàn	Khu vực	Hệ số
A	Nhóm đất du lịch ven biển (không có)		
B	Nhóm đất du lịch ven các hồ		
I	Vị trí 1: các khu du lịch có tiếp giáp hồ nước		
1	Khu vực Thác Bà (Đức Thuận) và Đa Mi		1,00

II	Vị trí 2: các khu du lịch không có tiếp giáp hồ nước được tính bằng 70% Hệ số điều chỉnh giá đất của vị trí 1	
----	---	--

III. Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khác (không phải đất du lịch) các khu vực còn lại: tính theo đất ở quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 6 Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 c3a UBND tỉnh.